

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7023 /SYT-NV

Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2022

V/v hướng dẫn chế độ báo cáo thống kê  
chuyên ngành dân số

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc;
- Phòng Y tế các huyện, thành phố;
- Các Bệnh viện, cơ sở y tế tư nhân.

Thực hiện Thông tư số 01/2022-BYT ngày 10/01/2022 của Bộ Y tế về việc quy định ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số.

Nhằm đồng bộ hệ thống báo cáo thống kê chuyên ngành dân số trên địa bàn tỉnh, Sở Y tế hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Kỳ báo cáo

a) Báo cáo thống kê trong kỳ được tính bắt đầu từ ngày 01 đầu kỳ báo cáo cho đến hết ngày cuối kỳ báo cáo, tính theo năm dương lịch bao gồm:

- Báo cáo thống kê trong tháng được tính bắt đầu từ ngày 01 đầu tháng báo cáo cho đến hết ngày cuối của tháng báo cáo;

- Báo cáo thống kê trong quý (3 tháng) được tính bắt đầu từ ngày 01 đầu tháng đầu tiên cho đến hết ngày cuối cùng của tháng thứ ba của kỳ báo cáo;

- Báo cáo thống kê trong năm được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo;

b) Báo cáo thống kê tính đến cuối kỳ được tính tại ngày cuối của kỳ báo cáo, tính theo năm dương lịch bao gồm:

- Báo cáo thống kê tính đến cuối quý: Ngày 31 tháng 3 là ngày cuối của Quý I; ngày 30 tháng 6 là ngày cuối của Quý II; ngày 30 tháng 9 là ngày cuối của Quý III; tính đến ngày 31 tháng 12 là cuối của Quý IV của năm báo cáo;

- Báo cáo thống kê tính đến cuối năm: Ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo;

c) Báo cáo đột xuất: Trường hợp cần báo cáo thông tin, số liệu phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về dân số, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình gửi đề nghị đến đơn vị báo cáo bằng văn bản, trong đó nêu rõ phạm vi, thời hạn và nội dung chỉ tiêu báo cáo.

2. Phương thức gửi báo cáo: Báo cáo giấy và báo cáo điện tử được thể hiện bằng một trong các hình thức sau:

a) Báo cáo giấy và báo cáo điện tử dưới dạng tệp tin điện tử, dạng tệp pdf của báo cáo điện tử được in ra, được xác thực của đơn vị thực hiện báo cáo;

b) Báo cáo bằng tiện ích trên phần mềm tin học theo quy định của Bộ Y tế.

3/ Các biểu mẫu báo cáo

| <b>Cấp tỉnh</b>                                       |                                       |                                                                |                                                   |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| Đơn vị thực hiện                                      | Thời điểm báo cáo                     | Thời hạn gửi                                                   | Nơi nhận                                          |
| Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình<br>(Phụ lục 1) | - <b>Quý</b><br>Biểu 01-DST           | Chậm nhất 20 ngày kể từ thời điểm kết thúc kỳ báo cáo thống kê | Tổng cục DS-KHHGD<br>Sở Y tế<br>Cục Thống kê tỉnh |
|                                                       | - <b>Năm</b><br>Biểu 02-DST           | Ngày 15/3 của năm sau năm báo cáo                              |                                                   |
|                                                       | - Báo cáo theo yêu cầu<br>Biểu 03-DST |                                                                |                                                   |

| <b>Cấp huyện</b>                                   |                                          |                                                                |                                                       |
|----------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Đơn vị thực hiện                                   | Thời điểm báo cáo                        | Thời hạn gửi                                                   | Nơi nhận                                              |
| Trung tâm Y tế huyện, thành phố<br><br>(Phụ lục 2) | - <b>Tháng</b> (theo yêu cầu) Biểu DSH-T | Chậm nhất 15 ngày kể từ thời điểm kết thúc kỳ báo cáo thống kê | Chi cục DS - KHHGD tỉnh<br>Chi cục Thống kê cấp huyện |
|                                                    | - <b>Quý</b><br>Biểu 01-DSH              |                                                                |                                                       |
|                                                    | - <b>Năm</b><br>Biểu 02-DSH              |                                                                |                                                       |
|                                                    | - Báo cáo theo yêu cầu<br>Biểu 03-DSH    |                                                                |                                                       |

| <b>Cấp xã</b>                         |                                                                                            |                                                                |                |
|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------|
| Đơn vị thực hiện                      | Thời điểm báo cáo                                                                          | Thời hạn gửi                                                   | Nơi nhận       |
| Trạm Y tế<br>(Phụ lục 3 và Phụ lục 4) | - <b>Tháng</b><br>Biểu 01-DSX                                                              | Chậm nhất 05 ngày kể từ thời điểm kết thúc kỳ báo cáo thống kê | Trung tâm Y tế |
|                                       | - <b>Quý</b><br>Biểu 02-DSX                                                                |                                                                | Trung tâm Y tế |
|                                       | - <b>Năm</b><br>Biểu 03-DSX                                                                |                                                                | Trung tâm Y tế |
|                                       | <b>Cộng tác viên</b><br>- <b>Phiếu hộ dân cư:</b> A0/CTV<br>- <b>Phiếu thu tin:</b> P0/CTV |                                                                | Trạm Y tế      |

| <b>Cơ sở y tế</b>                                                                                                                                                                                      |                                                                                        |                                                                |                                     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| <b>Đơn vị thực hiện</b>                                                                                                                                                                                | <b>Thời điểm báo cáo</b>                                                               | <b>Thời hạn gửi</b>                                            | <b>Nơi nhận</b>                     |
| <b>Cơ sở y tế tuyến tỉnh</b><br><i>(Phụ lục 5)</i><br>- Bệnh viện tuyến tỉnh: Thống Nhất, Đồng Nai<br>- Bệnh viện đa khoa khu vực: Long Khánh, Long Thành, Định Quán<br>- Các bệnh viện ngoài công lập | <b>Quý</b><br>Biểu 01-DS/CSYT<br>Biểu 02-DS/CSYT<br>Biểu 03-DS/CSYT<br>Biểu 04-DS/CSYT | Chậm nhất 15 ngày kể từ thời điểm kết thúc kỳ báo cáo thống kê | Chi cục DS - KHHGĐ tỉnh             |
| <b>Cơ sở y tế tuyến huyện</b><br><i>(Phụ lục 5)</i><br>- Bệnh viện tuyến huyện.<br>- Các Trạm Y tế.<br>- Các phòng khám.                                                                               |                                                                                        | Chậm nhất 05 ngày kể từ thời điểm kết thúc kỳ báo cáo thống kê | Trung tâm Y tế trên địa bàn quản lý |

- Các số liệu cần được đối chiếu, so sánh với các biểu mẫu báo cáo theo thông tư 37/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ Y tế quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Y tế.

- Giao Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình là đơn vị tuyến tỉnh chủ trì, tổng hợp các báo cáo theo quy định; tham mưu Sở Y tế các hoạt động liên quan đến quy định ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số.

- Trung tâm Y tế các huyện, thành phố phối hợp với phòng Y tế các huyện, thành phố chỉ đạo các đơn vị y tế trên địa bàn thực hiện.

Đề nghị lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Sở Y tế quan tâm, chỉ đạo để chế độ báo cáo được thực hiện đầy đủ, kịp thời. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổng cục DS-KHHGĐ; (báo cáo)
- Cục Thống kê tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng chuyên môn Sở;
- Lưu: VT, NV.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
  
**Nguyễn Hữu Tài**

**Phụ lục 1:**

**BIỂU MẪU**  
**BÁO CÁO THỐNG KÊ CHUYÊN NGÀNH DÂN SỐ CẤP TỈNH**

**DANH MỤC MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ CHUYÊN NGÀNH**

| <b>STT</b> | <b>Ký hiệu biểu</b> | <b>Tên biểu</b>                                            | <b>Kỳ báo cáo</b> |
|------------|---------------------|------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1.         | Biểu 01-DST         | Báo cáo thống kê chuyên ngành dân số quý                   | quý               |
| 2.         | Biểu 02-DST         | Báo cáo thống kê chuyên ngành dân số năm                   | năm               |
| 3.         | Biểu 03-DST         | Các biểu mẫu chiết suất từ Kho dữ liệu chuyên ngành dân số | theo yêu cầu      |

**Biểu 01-DST**

Ngày nhận báo cáo: Chậm nhất 15 ngày kể từ thời điểm kết thúc kỳ báo cáo.

Số: /BC-CCDS

Đơn vị báo cáo: Chi cục DS-KHHGD :

Đơn vị nhận báo cáo:

+ Tổng cục DS-KHHGD

+ Sở Y tế: .....

+ Cục thống kê: .....

**BÁO CÁO THÔNG KÊ CHUYÊN NGÀNH DÂN SỐ  
QUÝ..... NĂM.....**

| Tên chỉ tiêu |                                                                                                | Đơn vị<br>tính | Toàn<br>tỉnh | Huyện<br>.... | Huyện<br>.... |
|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------|---------------|---------------|
| A            |                                                                                                |                | 1            | 2             | 3             |
| 1.           | Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý                                                            | Hộ             |              |               |               |
|              | Trong đó: Số hộ gia đình                                                                       | Hộ             |              |               |               |
| 2.           | Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý                                | Người          |              |               |               |
| 3.           | Số nữ từ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý                                                 | Người          |              |               |               |
| 4.           | Tổng số trẻ sinh ra trong quý                                                                  | Người          |              |               |               |
|              | Trong tổng số:                                                                                 | Người          |              |               |               |
|              | - Số trẻ em nam sinh ra                                                                        | Người          |              |               |               |
|              | - Số trẻ em nữ sinh ra                                                                         | Người          |              |               |               |
|              | - Số trẻ em sinh ra là con thứ 2                                                               | Người          |              |               |               |
|              | - Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên                                                       | Người          |              |               |               |
|              | - Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi                                                    | Người          |              |               |               |
| 5.           | Số người chết trong quý                                                                        | Người          |              |               |               |
| 6.           | Số người kết hôn trong quý                                                                     | Người          |              |               |               |
|              | Trong tổng số: - Số người tảo hôn                                                              | Người          |              |               |               |
|              | - Số người kết hôn cận huyết thống                                                             | Người          |              |               |               |
| 7.           | Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý                       | Cặp            |              |               |               |
| 8.           | Số người ly hôn trong quý                                                                      | Người          |              |               |               |
| 9.           | Số người chuyển đến từ xã khác trong quý                                                       | Người          |              |               |               |
| 10.          | Số người chuyển đi khỏi xã trong quý                                                           | Người          |              |               |               |
| 11.          | Số phụ nữ mang thai trong quý                                                                  | Người          |              |               |               |
| 12.          | Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý                                                        | Người          |              |               |               |
|              | Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai                                                           | Người          |              |               |               |
| 13.          | Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý                                                   | Người          |              |               |               |
| 14.          | Số nam mới triệt sản trong quý                                                                 | Người          |              |               |               |
| 15.          | Số nữ mới triệt sản trong quý                                                                  | Người          |              |               |               |
| 16.          | Số nữ mới cấy thuốc tránh thai trong quý                                                       | Người          |              |               |               |
|              | Trong đó: Số thay que cấy tránh thai                                                           | Người          |              |               |               |
| 17.          | Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý                                                    | Người          |              |               |               |
| 18.          | Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng biện pháp tránh thai tính đến cuối quý | Cặp            |              |               |               |
|              | Chia ra: - Đặt vòng tránh thai                                                                 | Cặp            |              |               |               |
|              | - Triệt sản nam                                                                                | Cặp            |              |               |               |
|              | - Triệt sản nữ                                                                                 | Cặp            |              |               |               |
|              | - Thuốc cấy tránh thai                                                                         | Cặp            |              |               |               |
|              | - Thuốc tiêm tránh thai                                                                        | Cặp            |              |               |               |
|              | - Thuốc uống tránh thai                                                                        | Cặp            |              |               |               |
|              | - Bao cao su                                                                                   | Cặp            |              |               |               |
|              | - Biện pháp tránh thai khác                                                                    | Cặp            |              |               |               |